

Số: 20/2024/QĐST-HNGĐ

Đông Sơn, ngày 27 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 2, xã Minh S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đông M, huyện Đông S, tỉnh Thanh H

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông S, tỉnh Thanh H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Th - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1981- Chức vụ: Tổ trưởng kế hoạch nghiệp vụ tín dụng.

- Quỹ tín dụng nhân dân Đông M, huyện Đông S.

Người đại diện: Ông Lê Thế L - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: xã Đông M, huyện Đông S, tỉnh Thanh H.

- Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V - SMBC

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Ree Tower, số 9 Đoàn Văn B, phường 13, Quận 4, Thành Phố H.

- Ngân hàng TMCP Ph chi nhánh Bến Th

Địa chỉ: Số 41, 45 Lê D, Quận 1, Thành Phố H.

Căn cứ Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Văn Gi.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Văn Gi thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Văn Gi có 03 con chung là Nguyễn Văn Minh H, sinh ngày 29/01/2017, Nguyễn Văn Minh Ph, sinh ngày 05/7/2019 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 17/7/2021. Chị L và anh G thống nhất: Giao cháu Nguyễn Bình A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Văn Minh H và Nguyễn Văn Minh Ph cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L và anh G có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Văn G thống nhất như sau:

+ Số tiền vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đông S ngày 04/01/2022:

Tiền gốc: 20.000.000 đồng (anh G đã trả được 1.000.000 đồng còn lại 19.000.000 đồng).

Tiền lãi: Anh G đã trả đến ngày 10/6/2024 là 4.297.077 đồng.

Anh G, chị L và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông S thống nhất:

- Giao cho chị L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông S số tiền gốc là 10.000.00 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 11/6/2024 cho đến khi trả nợ xong. Chị L có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền lãi cho anh G là 2.148.538 đồng.

- Giao cho anh G có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông S số tiền gốc là 9.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 11/6/2024 cho đến khi trả nợ xong.

+ Số tiền vay quỹ tín dụng nhân dân Đông S ngày 09/5/2022:

Tiền gốc = 30.000.000 đồng

Tiền lãi = 2.945.000 đồng

Tổng = 32.945.000 đồng

Anh G đã trả hết nợ cho quỹ tín dụng nhân dân Đông M là 32.945.000 đồng. Chị L và anh G thống nhất mỗi người phải trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đông M là 16.472.500 đồng. Như vậy chị L phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh G tổng số tiền là 16.472.500 đồng.

+ Đình chỉ 1 phần yêu cầu của anh G đối với số tiền vay nợ của Ngân hàng V và Ngân hàng Thương mại cổ phần Ph.

- Về án phí:

Chị Trịnh Thị L phải chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 715.526đ ($28.621.038đ \times 5\% = 1.431.052 : 2 = 715.526đ$) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí mà chị L phải chịu là 865.526đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số BLTU/23/0001946 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông S, tỉnh Thanh H. Chị L còn phải nộp 565.526đ đồng (*Năm trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng*).

Anh Nguyễn Văn G phải chịu 225.000đ ($9.000.000đ \times 5\% = 450.000đ : 2 = 225.000đ$) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 3.675.000 đồng theo biên lai thu số BLTU/23/0001966 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông S, tỉnh Thanh H. Anh G được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 3.450.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đông S;
- THADS huyện Đông S;
- UBND xã Đông M;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Thị Hà

